

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KIM KHÍ SƠN ĐỨC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KIM KHÍ SƠN ĐỨC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400971169

**3. Ngày thành lập:** 15/08/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Cây, Xã Hương Sơn, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0869638730

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                   | 4329        |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                   | 4330        |
| 3.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                              | 4390        |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>( trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                             | 4610        |
| 5.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                           | 4620        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện ; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm, giấy các loại; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649        |
| 7.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                              | 4651        |
| 8.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                               | 4652        |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                           | 4653        |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                  | 4659        |
| 11. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                              | 4662        |
| 12. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                          | 4663        |
| 13. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                              | 4669(Chính) |
| 14. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                             | 4711        |
| 15. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                               | 4719        |
| 16. | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                   | 1701        |

Thời gian đăng từ ngày 16/08/2023 đến ngày 15/09/2023

|     |                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì                                             | 1702 |
| 18. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì chưa được phân vào đâu                               | 1709 |
| 19. | Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su                                           | 2211 |
| 20. | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su                                                              | 2219 |
| 21. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                  | 2220 |
| 22. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                             | 2395 |
| 23. | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                 | 2396 |
| 24. | Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu                     | 2399 |
| 25. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                      | 2410 |
| 26. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                | 2511 |
| 27. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                    | 2512 |
| 28. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                              | 2591 |
| 29. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                  | 2592 |
| 30. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                   | 2593 |
| 31. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                   | 2599 |
| 32. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                    | 2610 |
| 33. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                     | 2620 |
| 34. | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                                     | 2816 |
| 35. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) | 2817 |
| 36. | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                 | 2822 |
| 37. | Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rô moóc và bán rô moóc                           | 2920 |
| 38. | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác                        | 2930 |
| 39. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                | 4933 |
| 40. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                              | 5610 |
| 41. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                      | 5621 |
| 42. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                          | 5629 |
| 43. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                       | 5630 |
| 44. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                 | 3100 |
| 45. | Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan                                                    | 3211 |
| 46. | Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan                                                | 3212 |
| 47. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                        | 3311 |
| 48. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                    | 3312 |
| 49. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                        | 3313 |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 50. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                  | 3314 |
| 51. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                               | 3315 |
| 52. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                  | 3319 |
| 53. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                 | 3320 |
| 54. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 55. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 56. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 57. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.800.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRẦN THẾ VINH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/02/1999

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024099000283

Ngày cấp: 23/03/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: SN13, Đường Nghĩa Long, Phường Trần Phú, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: SN13, Đường Nghĩa Long, Phường Trần Phú, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN THẾ VINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/02/1999

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024099000283

Ngày cấp: 23/03/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: SN13, Đường Nghĩa Long, Phường Trần Phú, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: SN13, Đường Nghĩa Long, Phường Trần Phú, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang